



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1679>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Phan Trọng Nam^{1*} và Phạm Phú Hoàn²

¹Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: ptnam@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 26/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/10/2025; Ngày duyệt đăng: 24/10/2025

Tóm tắt

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo năm chức năng: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá và quản lý các điều kiện đảm bảo. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn. Kết quả cho thấy hoạt động giáo dục địa phương đã được quan tâm triển khai và đạt một số kết quả tích cực: Cán bộ quản lý và giáo viên và học sinh nhận thức được vai trò của giáo dục địa phương; Nội dung và hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện địa phương; Sự phối hợp giữa nhà trường, chính quyền và cộng đồng được tăng cường. Tuy nhiên, công tác lập kế hoạch còn thiếu cụ thể; việc tổ chức thực hiện chưa đồng đều; chỉ đạo chưa thường xuyên; kiểm tra – đánh giá còn hình thức; và điều kiện hỗ trợ còn hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất năm biện pháp quản lý: (1) Tăng cường công tác lập kế hoạch giáo dục địa phương theo hướng cụ thể, khả thi và phù hợp với đặc điểm địa phương; (2) Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục địa phương; (3) Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện giáo dục địa phương; (4) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương; (5) Nâng cao hiệu quả quản lý các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục địa phương. Các biện pháp này góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý giáo dục địa phương theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Từ khóa: Giáo dục địa phương, hoạt động giáo dục, huyện Bù Đăng, quản lý giáo dục, trường trung học phổ thông.

Trích dẫn: Phan, T. N., & Phạm, P. H. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(06S), 93-107. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1679>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING LOCAL EDUCATION ACTIVITIES IN UPPER SECONDARY SCHOOLS IN BU DANG DISTRICT, BINH PHUOC PROVINCE

Phan Trong Nam^{1*} and Pham Phu Hoanh²

¹*Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Email: ptnam@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 26/9/2025; Received in revised form: 18/10/2025; Accepted: 24/10/2025

Abstract:

This article presents the findings of a study on the current situation of managing local education activities in upper secondary schools in Bu Dang district, Binh Phuoc province, based on five management functions: planning, organizing implementation, directing, monitoring and evaluation, and managing supportive conditions. The study employed questionnaires and in-depth interviews involving school administrators, teachers, and students in the district. The results show that local education activities have been implemented with growing attention and have achieved several positive outcomes. Administrators, teachers, and students are aware of the importance of local education; the content and organizational forms are appropriate to local conditions; and collaboration among schools, local authorities, and communities has been strengthened. However, planning remains unspecific; implementation is inconsistent among schools; direction is not carried out regularly; monitoring and evaluation are still formalistic; and supportive conditions such as facilities, funding, and learning materials are limited. Based on these findings, the study proposes five management measures: (1) Strengthening the planning of local education in a specific, feasible, and locally appropriate manner; (2) Improving the effectiveness of organizing the implementation of local education; (3) Strengthening the direction of local education activities; (4) Enhancing monitoring and evaluation of local education activities; and (5) Improving the management of conditions supporting local education activities. These measures contribute to improving the quality and effectiveness of managing local education in accordance with the 2018 General Education Curriculum.

Keywords: *Bu Dang district, educational management, educational activities, local education, upper secondary schools.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục địa phương (GDĐP) là bộ phận quan trọng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giúp học sinh (HS) hiểu biết về truyền thống lịch sử, văn hóa, kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên của quê hương, qua đó hình thành tình yêu quê hương, ý thức trách nhiệm công dân và năng lực hành động phù hợp thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Theo Công văn số 5982/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), GDĐP được thiết kế linh hoạt, phù hợp điều kiện đặc thù của từng địa phương, nhằm gắn kết nhà trường với cộng đồng, phát huy giá trị bản địa và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào giáo dục. Ở cấp trung học phổ thông (THPT), hoạt động GDĐP góp phần cụ thể hóa mục tiêu giáo dục toàn diện, kết nối tri thức phổ thông với thực tiễn địa phương, đồng thời bồi dưỡng năng lực tự chủ, sáng tạo cho HS.

Trên thế giới, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định vai trò của place-based education và local curriculum trong việc phát triển phẩm chất công dân, tăng cường mối liên hệ cộng đồng và thúc đẩy học tập gắn với thực tiễn (Fu & cs., 2024; Soucy & cs., 2024; Yemini & cs., 2023; Young, 2019). Chen & cs. (2015) cho rằng phát triển chương trình học dựa vào nhà trường và cộng đồng là một quá trình tương tác giữa người dạy, người học và bối cảnh xã hội. Heikkilä (2021) khẳng định tính chủ động của giáo viên (GV) trong phát triển chương trình địa phương là yếu tố quyết định thành công. Andrian (2019), Hadi và Andrian (2018) nhấn mạnh hiệu quả GDĐP phụ thuộc vào năng lực sư phạm, năng lực quản lý và nguồn lực hỗ trợ. Nhìn chung, các mô hình giáo dục gắn với địa phương đều đề cao tính mở, tính cộng đồng và vai trò trung tâm của người học trong việc kiến tạo tri thức từ trải nghiệm thực tế.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về GDĐP được quan tâm cả ở phương diện lý luận và thực tiễn. Nguyễn và Trần (2021) xem GDĐP là cầu nối giữa tri thức phổ thông và đời sống xã hội, giúp HS vận dụng kiến thức vào thực tế. Danh (2023) khẳng định GDĐP góp phần phát triển năng lực công dân, định hướng nghề nghiệp và tăng cường gắn kết giữa nhà trường và địa phương. Các nghiên cứu của Hồ & cs. (2023), Nguyễn và Hồ (2024a, 2024b) chỉ ra rằng công tác quản lý GDĐP tại nhiều địa phương còn bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức và kiểm tra – đánh giá. Theo Phạm (2012) và Nguyễn (2020), quản lý giáo dục hiệu quả cần dựa trên tiếp cận chức năng, huy động sự tham gia của các chủ thể và sử dụng dữ liệu thực tiễn để điều hành.

Bình Phước là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, có nhiều dân tộc cùng sinh sống như S'tiêng, M'ông, Khmer, Tày, Nùng... Huyện Bù Đăng là địa bàn có bề dày lịch sử – văn hóa, nhưng còn khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở vật chất trường học. Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước đã ban hành tài liệu GDĐP lớp 10, 11 (Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước, 2023a, 2023b) và tổ chức dạy thực nghiệm theo Văn bản số 1371/SGDĐT-GDTrH (của Sở Giáo dục và Đào tạo, 2022). Tuy nhiên, việc quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT, đặc biệt ở huyện Bù Đăng, vẫn còn những hạn chế như: kế hoạch chưa cụ thể, hình thức tổ chức thiếu thống nhất, sự phối hợp giữa nhà trường – chính quyền – cộng đồng chưa chặt chẽ và công tác kiểm tra – đánh giá còn hình thức. Những hạn chế này ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả triển khai GDĐP, làm giảm tính bền vững của chương trình.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đó, bài báo tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương tại các trường THPT ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo năm chức năng cơ bản của quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá và quản lý các điều kiện đảm bảo. Kết quả nghiên cứu nhằm nhận diện thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình triển khai, từ đó đề xuất một số biện pháp quản lý có cơ sở khoa học và tính khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả GDĐP, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát cắt ngang nhằm thu thập dữ liệu về thực trạng quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT ở huyện Bù Đăng. Các phương pháp chính gồm phân tích tài liệu, điều tra bằng phiếu khảo sát và phỏng vấn sâu. Khách thể khảo sát gồm 33 cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng), 99 GV và 607 HS thuộc 5 trường THPT. Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, kết hợp câu hỏi mở, phát hành trực tuyến qua Google Forms và Zalo nhóm trường nhằm bảo đảm thuận tiện và độ bao phủ cao. Nội dung khảo sát tập trung vào nhận thức và thực tiễn quản lý GDĐP theo năm chức năng (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá, điều kiện đảm bảo), sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Dữ liệu được làm sạch, mã hóa và xử lý bằng thống kê mô tả (điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC)). Thang điểm giải gồm 1,00-1,80: rất thấp; 1,81-2,60: thấp; 2,61-3,40: trung bình; 3,41-4,20: cao; 4,21-5,00: rất cao. Người tham gia khảo sát hoàn toàn tự nguyện và dữ liệu chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học. Phiếu khảo sát trực tuyến được đăng tải tại: <https://forms.gle/rAUNXuTe58XLWJY79>, <https://forms.gle/47UwZnyp2YiLV1Yv5>, <https://forms.gle/1PqwpW8Z5jyB3Vj7>.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

2.1.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về vai trò của hoạt động giáo dục địa phương

Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên và HS đều có nhận thức tích cực về vai trò của GDĐP, tuy nhiên mức độ hiểu biết và đánh giá vẫn khác nhau. Cán bộ quản lý có nhận thức cao nhất (ĐTB 4,42-4,58), đặc biệt đánh giá GDĐP là cầu nối giữa nhà trường và cộng đồng, giúp phát huy bản sắc văn hóa, huy động nguồn lực xã hội và thực hiện giáo dục hướng nghiệp. Theo R03 (HT-THPT Thống Nhất), “GDĐP giúp HS hiểu sâu hơn về quê hương và thấy được trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng”, phản ánh nhận thức mang tính chiến lược của đội ngũ quản lý.

GV có mức nhận thức tốt (ĐTB 3,96-4,03), đánh giá cao vai trò GDĐP trong việc gắn kiến thức với thực tiễn, phát triển năng lực cá nhân và tăng cường xã hội hóa giáo dục. Tuy nhiên, một số GV vẫn xem GDĐP là hoạt động bổ trợ do thiếu học liệu, thời lượng và hướng dẫn cụ thể. Theo chia sẻ của R05 (GV-THPT Lê Quý Đôn), “nhiều nội dung hay nhưng chưa có tài liệu minh họa hoặc hoạt động trải nghiệm đi kèm, khiến việc giảng dạy còn lúng túng”, cho thấy nhu cầu hỗ trợ chuyên môn vẫn rất cần thiết.

HS có mức nhận thức khá (ĐTB 3,92-4,04), đánh giá cao GDĐP ở khía cạnh định hướng nghề nghiệp và khám phá giá trị địa phương. Các em cho rằng GDĐP “giúp hiểu hơn về truyền thống, nghề nghiệp quê hương”, nhưng “chưa thật sự hấp dẫn nếu chỉ học lý thuyết” (R08, HS-THPT Bù Đăng). Nhìn chung, cả ba nhóm đều có nhận thức tốt đến rất tốt, trong đó cán bộ quản lý cao nhất, GV và HS thấp hơn, phản ánh sự khác biệt về vai trò và mức độ tham gia trong quá trình triển khai GDĐP.

2.1.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy việc thực hiện các mục tiêu GDĐP ở các trường THPT huyện Bù Đăng đạt mức khá đến tốt, thể hiện nỗ lực của nhà trường trong cụ thể hóa yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mục tiêu giúp HS hiểu biết về lịch sử, văn hóa, kinh tế – xã hội địa phương được đánh giá cao (CBQL: 4,52; GV: 4,08; HS: 4,09), phản ánh hiệu quả bước đầu trong cung cấp tri thức gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, mục tiêu hình thành năng lực vận dụng kiến thức vào đời sống còn hạn chế (CBQL: 4,42; GV: 4,00; HS: 3,98), do thiếu hoạt

động trải nghiệm thực tế.

Đáng chú ý, mục tiêu bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng đạt điểm cao nhất (HS: 4,20), cho thấy GDĐP góp phần nuôi dưỡng tình yêu quê hương và ý thức cống hiến. Theo R06 (HT-THPT Bù Đăng), “các hoạt động như tham quan di tích, tìm hiểu truyền thống giúp HS thêm tự hào và gắn bó với địa phương.” Các mục tiêu khác như phát triển năng lực công dân, kỹ năng thích ứng và gắn kết nhà trường – xã hội được đánh giá tốt (ĐTB 4,02-4,52) nhưng vẫn cần tăng cường sự tham gia của phụ huynh và các tổ chức xã hội.

Mục tiêu khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo đạt khá (CBQL: 4,52; GV: 4,03; HS: 4,05) nhưng còn hạn chế bởi cơ sở vật chất và thiếu liên kết doanh nghiệp. Nhìn chung, GDĐP đã đạt kết quả tích cực trong bồi dưỡng phẩm chất, năng lực HS và kết nối cộng đồng, song cần tiếp tục đổi mới nội dung, tăng hoạt động trải nghiệm và mở rộng hợp tác địa phương để nâng cao hiệu quả thực chất.

2.1.3. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy việc triển khai nội dung GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng đạt mức khá đến tốt, phản ánh sự quan tâm của nhà trường trong thực hiện chương trình mới. Nội dung về lịch sử và truyền thống địa phương được đánh giá cao nhất (CBQL: 4,36; GV: 4,09; HS: 4,03), nhờ tính gần gũi và khả năng khơi gợi niềm tự hào quê hương. Theo R07 (GV-THPT Lương Thế Vinh), “các chuyến tham quan di tích và hoạt động tìm hiểu danh nhân giúp HS hứng thú hơn, hiểu rõ giá trị văn hóa địa phương.” Điều này cho thấy GDĐP không chỉ truyền đạt tri thức mà còn nuôi dưỡng tình cảm và thái độ tích cực ở HS.

Các nội dung về văn hóa địa phương (CBQL: 4,33; GV: 4,01; HS: 3,99) và bảo vệ môi trường – ứng phó biến đổi khí hậu (CBQL: 4,33; GV: 4,10; HS: 4,05) cũng được triển khai hiệu quả. Hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”, trồng cây và bảo vệ nguồn nước được nhiều trường duy trì thường xuyên, góp phần gắn HS với hành động thực tế. Theo R12 (HT-THPT Bù Đăng), “đây là nội dung dễ thực hiện, vừa giáo dục ý thức vừa tạo môi trường học tập tích cực.” Những hoạt động này thể hiện sự chuyển hướng từ học lý thuyết sang trải nghiệm gắn với hành vi cụ thể.

Tuy nhiên, nội dung về địa lý và kinh tế – hướng nghiệp còn hạn chế (CBQL: 4,27; GV: 3,94-4,03; HS: 3,96-3,99). Nhiều GV cho biết việc dạy học còn thiên về lý thuyết, thiếu liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các ngành nghề đặc trưng của địa phương (R08, R11). Nhìn chung, nội dung GDĐP ở huyện Bù Đăng đã được triển khai toàn diện, nổi bật ở lĩnh vực lịch sử, văn hóa và môi trường, nhưng cần tăng cường đổi mới phương pháp, gắn kết thực tiễn kinh tế – xã hội để phát huy tối đa giá trị giáo dục địa phương.

2.1.4. Thực trạng sử dụng phương pháp giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy các trường THPT huyện Bù Đăng đã vận dụng tương đối đa dạng các phương pháp GDĐP, nổi bật là dạy học tích hợp, trải nghiệm và nghiên cứu tư liệu. Phương pháp dạy học dựa trên trải nghiệm được CBQL đánh giá cao nhất (4,27), phản ánh sự chú trọng đến hoạt động thực tế và gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, GV (3,84) và HS (3,97) đánh giá thấp hơn do hạn chế về thời gian, kinh phí và phương tiện. Theo R13 và R16, “các chuyến tham quan di tích, làm phim ngắn hay phong trào ‘Ngày Chủ nhật xanh’ tạo hứng thú học tập cho HS, nhưng chưa được tổ chức thường xuyên do thiếu nguồn lực.”

Phương pháp dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung GDĐP vào các môn học (CBQL: 4,21; GV: 3,93; HS: 4,02) được xem là phổ biến nhất, đặc biệt trong các môn Lịch sử, Địa lý,

GDCD và Ngữ văn. HS đánh giá cao vì bài học trở nên gần gũi, dễ liên hệ thực tế (R14, THPT Lê Quý Đôn). Tương tự, các phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai và xử lý tình huống được đánh giá khá (CBQL: 4,21; GV: 3,87; HS: 3,98), giúp phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS trong học tập.

Đáng chú ý, phương pháp dạy học theo dự án có sự khác biệt giữa GV và HS: CBQL (4,00) và GV (3,82) đánh giá ở mức trung bình, trong khi HS lại hứng thú hơn (4,04) vì được vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành và sáng tạo. Phương pháp khai thác tài liệu GDĐP có điểm thấp nhất (CBQL: 4,09; GV: 3,87; HS: 3,89), cho thấy cần bồi dưỡng kỹ năng sử dụng học liệu địa phương. Nhìn chung, các trường đã có bước tiến rõ rệt trong đổi mới phương pháp GDĐP, song cần tiếp tục đầu tư tài liệu, nâng cao năng lực dạy học theo dự án và mở rộng hoạt động trải nghiệm gắn với thực tiễn địa phương.

2.1.5. Thực trạng sử dụng hình thức tổ chức nội dung giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy các trường THPT ở huyện Bù Đăng đã triển khai khá đa dạng các hình thức tổ chức GDĐP, góp phần làm phong phú môi trường học tập và tăng tính thực tiễn. Hình thức sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ được CBQL đánh giá cao nhất (ĐTB = 4,24), thể hiện vai trò quan trọng trong định hướng tư tưởng và bồi dưỡng tình yêu quê hương. Hình thức phối hợp với cha mẹ HS và lực lượng xã hội (ĐTB = 4,18) cũng được ghi nhận, dù mức độ còn hạn chế. Theo R02 (GV THPT Lê Quý Đôn), “việc mời phụ huynh, đoàn thể địa phương tham gia giúp hoạt động thêm sinh động và thiết thực hơn.”

Đối với GV, hình thức dạy học chính khóa được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4,10) do thuận lợi trong tổ chức và đảm bảo tính chính thống của chương trình. HS lại yêu thích các hoạt động theo chủ đề, tuần lễ chuyên đề (ĐTB = 4,02) và sinh hoạt dưới cờ (ĐTB = 4,00) vì được tham gia trực tiếp và thể hiện bản thân. Kết quả phỏng vấn (R01, R03, R05) cho thấy GDĐP thường được lồng ghép linh hoạt với tham quan di tích, tìm hiểu lễ hội, hoặc hoạt động trải nghiệm như trồng cây, bảo vệ môi trường, góp phần tạo hứng thú và phát triển kỹ năng xã hội cho HS.

Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa như thi tìm hiểu, câu lạc bộ, diễn đàn (CBQL: 4,00; GV: 3,82; HS: 3,95) còn mang tính phong trào, chưa duy trì thường xuyên. Sự phối hợp với phụ huynh chủ yếu dừng ở mức hỗ trợ tài chính, chưa có sự tham gia sâu vào nội dung giáo dục. Nhìn chung, hình thức tổ chức GDĐP tại huyện Bù Đăng khá phong phú và linh hoạt, nổi bật ở dạy học chính khóa và sinh hoạt dưới cờ. Song để đạt hiệu quả bền vững, cần tăng tính thực tiễn, mở rộng hoạt động ngoại khóa và thúc đẩy phối hợp giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng trong quá trình tổ chức GDĐP.

2.1.6. Thực trạng về điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy điều kiện thực hiện hoạt động GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng đạt mức khá tích cực, đặc biệt ở khâu quản lý và hỗ trợ chuyên môn. Sự chỉ đạo từ Ban giám hiệu và tổ chuyên môn được đánh giá cao nhất (CBQL: 4,58; GV: 4,15), phản ánh vai trò định hướng, kiểm tra và hỗ trợ kịp thời trong triển khai chương trình. Theo R04 (PHT THPT Lương Thế Vinh), “Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, kiểm tra hồ sơ, đồng thời hỗ trợ GV trong xây dựng kế hoạch GDĐP.” Ngoài ra, sự phối hợp của cha mẹ HS (CBQL: 4,45; GV: 3,88) cũng là yếu tố thuận lợi, dù mức độ tham gia thực chất còn hạn chế, chủ yếu ở khía cạnh hỗ trợ kinh phí hoặc cho phép con em tham gia hoạt động ngoại khóa.

Hệ thống văn bản chỉ đạo của Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo (CBQL: 4,36; GV: 4,06) cùng điều kiện an ninh, giao thông và tự nhiên của địa phương (CBQL: 4,36; GV: 3,90) được

đánh giá khá tốt, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, theo R07 (GV-THPT Lê Quý Đôn), “địa bàn rộng và giao thông khó khăn khiến việc tổ chức thực tế tại vùng xa gặp trở ngại.” Năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm của GV (CBQL: 4,27; GV: 4,07) được nhìn nhận tích cực, nhưng công tác bồi dưỡng thường xuyên vẫn cần được chú trọng để cập nhật nội dung và phương pháp GDĐP phù hợp thực tiễn.

Ngược lại, cơ sở vật chất (4,00), thiết bị dạy học (4,12) và đặc biệt là kinh phí (CBQL: 3,94; GV: 3,64) là những hạn chế lớn. Việc tổ chức hoạt động ngoại khóa, in ấn học liệu và chuyên đề GDĐP còn phụ thuộc vào nguồn xã hội hóa, trong khi sự phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp địa phương (CBQL: 4,15; GV: 3,71) chưa phát huy hiệu quả. Nhìn chung, điều kiện triển khai GDĐP tại huyện Bù Đăng tương đối thuận lợi về mặt quản lý và tổ chức, nhưng cần tăng đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, đồng thời mở rộng hợp tác cộng đồng để bảo đảm tính bền vững và hiệu quả của hoạt động GDĐP.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

2.2.1. Thực trạng về công tác lập kế hoạch thực hiện động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch GDĐP đảm bảo đúng định hướng mục tiêu giáo dục địa phương theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	4,45	0,60	4,01	0,90
2	Kế hoạch GDĐP xác định rõ nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm địa phương	4,36	0,56	4,07	0,86
3	Kế hoạch có sự tham gia góp ý của GV, tổ chuyên môn và các bên liên quan	4,45	0,55	4,06	0,89
4	Có kế hoạch bồi dưỡng GV và chuẩn bị điều kiện (cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu) cho GDĐP	4,39	0,62	4,04	0,86
5	Lồng ghép kế hoạch GDĐP vào kế hoạch năm học và phân công tổ chức thực hiện cụ thể	4,45	0,56	4,17	0,92

Công tác lập kế hoạch GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng được đánh giá ở mức khá tốt, thể hiện sự chỉ đạo thống nhất của Ban giám hiệu và sự phối hợp tích cực của GV. Các nội dung xây dựng kế hoạch theo định hướng Chương trình GDPT 2018 được CBQL đánh giá rất cao (4,45), trong khi GV đánh giá thấp hơn (4,01), cho thấy còn khó khăn trong việc cụ thể hóa mục tiêu vào bài dạy. Theo R01 (THPT Lê Quý Đôn), nhiều GV “còn lúng túng khi chuyển từ mục tiêu tổng quát sang hoạt động cụ thể.”

Việc xác định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm địa phương (4,36-4,07) và sự tham gia góp ý của các tổ chuyên môn, GV (4,4 -4,06) là điểm mạnh của công tác lập kế hoạch. Theo R04 (PHT THPT Bù Đăng), kế hoạch GDĐP “được gắn với thể mạnh địa phương như du lịch sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao,” song vẫn thiếu hướng dẫn thống nhất giữa các trường. Bên cạnh đó, kế hoạch bồi dưỡng GV và chuẩn bị điều kiện thực hiện (4,39-4,04) được đánh giá tích cực, dù còn hạn chế về hoạt động thực hành.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch GDĐP được triển khai khoa học, có sự tham gia của nhiều bên và đảm bảo tính dân chủ. Tuy nhiên, vẫn cần đổi mới cách cụ thể hóa mục tiêu, tăng cường bồi dưỡng thực hành và hoàn thiện hướng dẫn chuyên môn để nâng cao chất lượng kế hoạch, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn địa phương.

2.2.2. Thực trạng về công tác tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bảng 2. Kết quả đánh giá về công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục địa phương

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung GDĐP đã xây dựng	4,36	0,56	4,08	0,90
2	Tổ chức triển khai các phương pháp giảng dạy phù hợp với tài liệu GDĐP của địa phương	4,36	0,70	4,08	0,88
3	Thực hiện các hình thức giáo dục địa phương đa dạng như tiết học chính khóa, trải nghiệm, ngoại khóa...	4,45	0,60	4,05	0,88
4	Tổ chức bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn cho GV về khai thác tài liệu và phương pháp dạy học GDĐP	4,33	0,56	3,94	0,88
5	Tổ chức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức địa phương trong thực hiện GDĐP	4,39	0,60	3,97	0,93

Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng được đánh giá ở mức khá tốt, phản ánh sự chủ động của Ban giám hiệu và GV trong triển khai chương trình gắn với thực tiễn địa phương. Nội dung tổ chức đa dạng các hình thức GDĐP như dạy học chính khóa, trải nghiệm và ngoại khóa được CBQL đánh giá cao nhất (4,45) và GV cũng ghi nhận tích cực (4,05). Theo R01 (THPT Lê Quý Đôn), các hoạt động “tuần lễ về nguồn, tham quan di tích lịch sử, chuyên đề môi trường” được duy trì thường xuyên, nhưng R03 (PHT THPT Thống Nhất) cho rằng “một số hoạt động còn hình thức do hạn chế về kinh phí và thời gian.”

Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức địa phương (CBQL: 4,39; GV: 3,97) đạt kết quả tốt nhưng chưa đồng đều. R05 (HT Lương Thế Vinh) nhận định “nhà trường chủ động kết nối với chính quyền và đoàn thể,” trong khi R07 (GV Bù Đăng) phản ánh “phụ huynh mới chỉ hỗ trợ về kinh phí, ít tham gia nội dung giáo dục.” Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện đầy đủ mục tiêu, nội dung và phương pháp GDĐP được đánh giá cao (CBQL: 4,36; GV: 4,08), cho thấy sự nhất quán giữa kế hoạch và thực tiễn.

Tuy nhiên, hoạt động bồi dưỡng và hỗ trợ chuyên môn cho GV còn hạn chế (CBQL: 4,33; GV: 3,94). Theo R06 (GV-THPT Thống Nhất), “tập huấn còn nặng lý thuyết, ít chia sẻ kinh nghiệm thực tế.” Nhìn chung, công tác tổ chức thực hiện GDĐP ở huyện Bù Đăng đã đạt hiệu quả khá tốt, nhưng cần chú trọng hơn đến bồi dưỡng thực hành, tăng cường phối hợp với phụ huynh và các tổ chức xã hội để nâng cao tính bền vững và thực chất của hoạt động GDĐP.

2.2.3. Thực trạng về công tác chỉ đạo thực hiện động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bảng 3. Kết quả đánh giá về công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục địa phương

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ban giám hiệu chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt các hoạt động GDĐP	4,61	0,61	4,11	0,91
2	Tổ chuyên môn có vai trò định hướng, điều phối việc thực hiện các nội dung GDĐP trong các môn học	4,67	0,50	4,05	0,95
3	Có chỉ đạo sinh hoạt chuyên đề nhằm đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDĐP	4,55	0,48	4,08	0,95
4	Có chỉ đạo lồng ghép nội dung GDĐP trong môn học phù hợp (Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân...)	4,58	0,51	4,11	0,92
5	Kịp thời chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch, nội dung hoặc hình thức GDĐP khi có thay đổi từ cấp trên hoặc thực tiễn	4,64	0,50	4,11	0,88

Công tác chỉ đạo thực hiện GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng được đánh giá cao, thể hiện rõ vai trò định hướng của Ban giám hiệu và tổ chuyên môn trong quản lý, điều hành. Tổ chuyên môn được đánh giá cao nhất (CBQL: 4,67; GV: 4,05) nhờ đảm nhận vai trò định hướng nội dung, điều phối và hỗ trợ GV trong thiết kế bài giảng, sinh hoạt chuyên đề. Theo R06 (HT-THPT Bù Đăng), “tổ chuyên môn không chỉ thống nhất nội dung mà còn hướng dẫn GV lồng ghép GDĐP phù hợp đặc điểm HS và địa phương.”

Ban giám hiệu được đánh giá rất cao về vai trò chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt (CBQL: 4,61; GV: 4,11), đồng thời linh hoạt trong việc điều chỉnh kế hoạch, nội dung GDĐP khi có thay đổi từ cấp trên (CBQL: 4,64; GV: 4,11). Theo R05 (PHT-THPT Lê Quý Đôn), Ban Giám hiệu thường xuyên rà soát tiến độ, duyệt kế hoạch bài dạy và hỗ trợ phương tiện, cơ sở vật chất cho các hoạt động GDĐP. Ngoài ra, chỉ đạo lồng ghép nội dung GDĐP trong các môn học phù hợp (CBQL: 4,58; GV: 4,11) cũng được triển khai hiệu quả; nhiều GV cho biết việc tích hợp trong các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân đã giúp HS học tập gắn với thực tiễn.

Tuy nhiên, hoạt động sinh hoạt chuyên đề đổi mới phương pháp (CBQL: 4,55; GV: 4,08) còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các trường. Theo R21 (GV-Trung học cơ sở và THPT Đăng Hà), “một số đơn vị vẫn còn hình thức, thiếu sự trao đổi chuyên sâu giữa GV.” Nhìn chung, công tác chỉ đạo GDĐP được triển khai hiệu quả, bảo đảm thống nhất, linh hoạt và thực chất; song cần tăng cường hơn nữa sinh hoạt chuyên môn và chia sẻ kinh nghiệm để phát huy tính sáng tạo, nâng cao chất lượng quản lý GDĐP trong toàn huyện.

2.2.4. Thực trạng về công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bảng 4. Kết quả đánh giá về công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục địa phương

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Có kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện GDĐP tại các tổ/nhóm chuyên môn	4,52	0,49	3,99	0,91

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
2	Kiểm tra việc thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và hồ sơ minh chứng liên quan đến GDĐP	4,42	0,57	3,95	0,92
3	Thực hiện dự giờ, đánh giá việc giảng dạy GDĐP tại lớp học hoặc trong hoạt động trải nghiệm	4,42	0,56	3,94	0,96
4	Có công cụ đánh giá mức độ đạt được mục tiêu GDĐP ở HS	4,36	0,56	3,97	0,96
5	Kết quả kiểm tra được sử dụng để điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp hơn	4,30	0,65	4,01	0,93

Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng được triển khai khá đồng bộ, phản ánh sự quan tâm của Ban giám hiệu và đội ngũ GV. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất được CBQL đánh giá cao nhất (4,52) và GV ở mức khá (3,99), cho thấy các trường duy trì nền nếp kiểm tra thường xuyên, góp phần đảm bảo GDĐP đúng tiến độ. Theo R01 và R05, kiểm tra - đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, kết hợp nhiều hình thức như kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và qua sản phẩm học tập.

Các nội dung kiểm tra phương pháp, hình thức tổ chức và hồ sơ minh chứng (CBQL: 4,42; GV: 3,95) được thực hiện linh hoạt, chú trọng cả quá trình và kết quả. Hoạt động dự giờ, đánh giá trực tiếp tại lớp học hoặc trải nghiệm (CBQL: 4,42; GV: 3,94) giúp ghi nhận rõ năng lực và sự tham gia của HS. Tuy nhiên, việc xây dựng công cụ đánh giá vẫn là điểm yếu, khi nhiều GV còn lúng túng trong việc thiết kế thang đo và rubric phù hợp với nội dung GDĐP địa phương.

Đáng chú ý, việc sử dụng kết quả kiểm tra - đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học (CBQL: 4,30; GV: 4,01) thể hiện tính chủ động của GV trong cải tiến hoạt động giảng dạy. Nhìn chung, công tác kiểm tra - đánh giá được triển khai khoa học, thường xuyên, đúng quy định và hướng tới phát triển năng lực HS, song vẫn cần hoàn thiện hệ thống công cụ đánh giá và cơ chế phản hồi hai chiều giữa quản lý và GV để nâng cao hiệu quả và tính thực chất của GDĐP..

2.2.5. Thực trạng về quản lý điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Bảng 5. Kết quả đánh giá về quản lý điều kiện thực hiện hoạt động giáo dục địa phương

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Cung ứng và quản lý hiệu quả tài liệu GDĐP (bản in, bản số, tài liệu địa phương, minh họa...)	4,36	0,64	3,86	0,98
2	Bố trí thời lượng, thời khóa biểu GDĐP phù hợp với chương trình và điều kiện giảng dạy	4,42	0,65	4,05	0,89
3	Quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, không gian trải nghiệm phục vụ GDĐP	4,42	0,61	3,99	0,94

TT	Nội dung đánh giá	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
4	Quản lý và phân bổ hợp lý kinh phí tổ chức hoạt động GDĐP (thực tế, ngoại khóa, học liệu...)	4,30	0,56	3,79	1,03
5	Lưu trữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ kế hoạch, báo cáo, minh chứng triển khai GDĐP theo quy định	4,42	0,68	3,96	0,92
6	Đảm bảo phối hợp hiệu quả với chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp địa phương trong cung cấp điều kiện triển khai GDĐP	4,42	0,56	3,89	0,91

Công tác quản lý điều kiện thực hiện GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng đạt mức khá tốt, thể hiện sự quan tâm của Ban giám hiệu trong bảo đảm các nguồn lực phục vụ hoạt động. Phối hợp với chính quyền, tổ chức và doanh nghiệp địa phương được CBQL đánh giá cao (4,42) nhưng GV cho điểm thấp hơn (3,89), cho thấy việc huy động nguồn lực xã hội còn thiếu ổn định. Theo R01 và R02, nhiều trường đã mời nhân chứng lịch sử, nghệ nhân, doanh nghiệp địa phương tham gia GDĐP, song theo R04, hoạt động này “chưa thường xuyên và còn phụ thuộc vào mối quan hệ cá nhân.”

Bố trí thời lượng và thời khóa biểu GDĐP được thực hiện linh hoạt (CBQL: 4,42; GV: 4,05), giúp hoạt động không chồng chéo với chương trình chính khóa. Tuy nhiên, một số phụ huynh vẫn lo ngại GDĐP ảnh hưởng đến môn học khác. Cơ sở vật chất và không gian trải nghiệm được khai thác khá hiệu quả (CBQL: 4,42; GV: 3,99), nhưng các trường vùng xa vẫn gặp khó khăn do thiếu thiết bị và không gian học tập mở. Ngoài ra, việc cung ứng tài liệu và lưu trữ hồ sơ GDĐP (CBQL: 4,36-4,42; GV: 3,86-3,96) được thực hiện tương đối tốt, song tài liệu còn hạn chế, chậm cập nhật.

Điểm yếu rõ nhất nằm ở quản lý và phân bổ kinh phí (CBQL: 4,30; GV: 3,79). Nhiều hoạt động GDĐP phải dựa vào nguồn xã hội hóa, trong khi phụ huynh chưa đồng thuận cao, ảnh hưởng đến tính bền vững. Nhìn chung, công tác quản lý điều kiện thực hiện GDĐP ở huyện Bù Đăng đã đạt kết quả tích cực ở các mặt cơ sở vật chất, thời lượng và phối hợp nguồn lực, song cần khắc phục hạn chế về tài chính, học liệu và cơ chế phối hợp để bảo đảm tính hiệu quả và lâu dài.

2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Trong nhóm yếu tố khách quan, hệ thống văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo (ĐTB CBQL: 4,42) được xem là nền tảng quan trọng bảo đảm tính thống nhất và định hướng cho GDĐP, dù GV đánh giá thấp hơn (3,95) do việc vận dụng còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó, tài liệu GDĐP do địa phương biên soạn (CBQL: 4,36; GV: 4,02) có vai trò lớn nhưng còn hạn chế về thời gian phát hành và tính cập nhật. Điều kiện kinh tế – xã hội và cơ sở vật chất (CBQL: 4,21; GV: 3,90) cũng ảnh hưởng rõ nét, đặc biệt ở các trường vùng sâu còn thiếu trang thiết bị và kinh phí hỗ trợ. Ngoài ra, sự phối hợp của chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp (CBQL: 4,24; GV: 3,86) và mức độ ủng hộ của phụ huynh, cộng đồng (CBQL: 4,30; GV: 3,96) vẫn chưa đồng đều, nhiều nơi còn mang tính hình thức, thiếu tính ổn định.

Đối với yếu tố chủ quan, tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của GV (CBQL: 4,67; GV: 4,06) là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất, thể hiện sự chủ động trong việc cập nhật phương pháp và kiến

thức địa phương. Tiếp đó là tính chủ động và khả năng phối hợp của tổ chuyên môn (CBQL: 4,64; GV: 4,09), giúp bảo đảm sự thống nhất trong dạy học và hỗ trợ chuyên môn. Năng lực quản lý, chỉ đạo của Ban giám hiệu (CBQL: 4,64; GV: 4,03) cùng với năng lực chuyên môn và hiểu biết về địa phương của GV (CBQL: 4,61; GV: 4,00) giữ vai trò then chốt trong việc điều hành, giám sát và tổ chức hiệu quả GDĐP.

Nhìn chung, các yếu tố khách quan tạo nền tảng định hướng và điều kiện vật chất, trong khi yếu tố chủ quan - đặc biệt là tinh thần tự học, sự phối hợp nội bộ và năng lực quản lý của Ban giám hiệu - quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực thi. Do đó, để nâng cao chất lượng quản lý GDĐP, cần vừa hoàn thiện cơ chế hỗ trợ bên ngoài, vừa phát huy nội lực của đội ngũ nhà trường, hướng đến sự đồng bộ, linh hoạt và bền vững trong triển khai GDĐP.

2.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường trung học phổ thông ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích thực trạng, công tác quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định về kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và điều kiện bảo đảm. Để nâng cao hiệu quả quản lý, đề xuất năm biện pháp sau đây, đảm bảo tính hệ thống, khả thi và phù hợp với bối cảnh thực tiễn của địa phương.

Biện pháp 1: Tăng cường lập kế hoạch GDĐP cụ thể, khả thi và gắn đặc thù địa phương: Lập kế hoạch GDĐP cần bảo đảm tính định hướng, khoa học và thực tiễn, phù hợp mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các bước gồm quán triệt văn bản chỉ đạo; xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và nguồn lực cho từng khối lớp; lồng ghép vào kế hoạch năm học; lấy ý kiến tổ chuyên môn, GV, phụ huynh và các tổ chức xã hội; dự trù điều kiện thực hiện và cơ chế giám sát. Biện pháp đạt hiệu quả khi có sự chỉ đạo thống nhất của Sở GD&ĐT, năng lực quản lý của Ban giám hiệu và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ GV.

Biện pháp 2: Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch GDĐP: Bảo đảm các nội dung GDĐP được triển khai đồng bộ, linh hoạt, phát huy tính sáng tạo của GV và HS, đồng thời tăng cường gắn kết giữa nhà trường và cộng đồng. Cần đa dạng hóa hình thức tổ chức như dạy học chính khóa, hoạt động trải nghiệm, dự án học tập, hội thi, tham quan thực tế; bồi dưỡng kỹ năng tổ chức cho GV; thiết lập cơ chế phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – doanh nghiệp – chính quyền. Thực hiện dựa trên phân công cụ thể, sinh hoạt chuyên môn định kỳ, huy động xã hội hóa và bảo đảm cơ sở vật chất, học liệu.

Biện pháp 3: Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐP: Bảo đảm tính thống nhất, xuyên suốt và hiệu quả trong triển khai GDĐP. Ban giám hiệu giữ vai trò định hướng, giám sát; tổ chuyên môn làm nòng cốt hỗ trợ GV. Các hoạt động trọng tâm gồm xây dựng kế hoạch chỉ đạo năm học, tổ chức sinh hoạt chuyên đề đổi mới phương pháp, chỉ đạo lồng ghép nội dung GDĐP vào các môn học phù hợp và thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh khi có thay đổi từ cấp trên hoặc thực tiễn. Cần phân công trách nhiệm rõ ràng, duy trì phản hồi hai chiều và tăng cường hỗ trợ chuyên môn từ cơ quan quản lý.

Biện pháp 4: Đổi mới kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP theo hướng phát triển: Bảo đảm công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, khách quan, gắn với cải tiến chất lượng GDĐP. Cần xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ – đột xuất; dự giờ, đánh giá tại lớp và trong hoạt động trải nghiệm; thiết kế bộ tiêu chí dựa trên năng lực, phẩm chất HS; kết hợp đánh giá định lượng và định tính. Quá trình thực hiện cần phát huy vai trò nhiều chủ thể, tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra. Điều kiện thực hiện là đội ngũ có năng lực đánh giá, công cụ cụ thể và cơ sở vật chất hỗ trợ.

Biện pháp 5: Quản lý hiệu quả các điều kiện bảo đảm hoạt động GDĐP: Bảo đảm đầy

đủ, đồng bộ các điều kiện phục vụ GDĐP như học liệu, thiết bị, kinh phí, thời lượng và sự phối hợp với địa phương. Nội dung gồm quản lý cung ứng và sử dụng tài liệu GDĐP; bố trí thời khóa biểu hợp lý; khai thác, bảo dưỡng cơ sở vật chất; phân bổ kinh phí minh bạch; lưu trữ hồ sơ, báo cáo đầy đủ; tăng cường hợp tác với chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp. Thực hiện thông qua rà soát, chuẩn hóa học liệu, lập kế hoạch sử dụng thiết bị và không gian trải nghiệm, kết hợp ngân sách nhà nước với xã hội hóa. Biện pháp hiệu quả khi có chỉ đạo thống nhất của Ban giám hiệu và sự đồng thuận của các bên liên quan.

Năm biện pháp có mối liên hệ chặt chẽ, hình thành chu trình quản lý thống nhất gồm: lập kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - kiểm tra - bảo đảm điều kiện. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng, gắn giáo dục nhà trường với đời sống và văn hóa địa phương.

3. Kết luận

GDĐP là bộ phận quan trọng của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực, bản sắc văn hóa và gắn kết giữa nhà trường với cộng đồng. Kết quả khảo sát 739 người (33 CBQL, 99 GV, 607 HS) tại 5 trường THPT huyện Bù Đăng cho thấy, nhận thức về GDĐP nhìn chung tích cực, trong đó CBQL có mức cao nhất, GV và HS thấp hơn. Các mục tiêu GDĐP đạt mức khá - tốt, nổi bật ở việc bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức cộng đồng, nhưng năng lực vận dụng vào thực tiễn còn hạn chế do thiếu trải nghiệm và sự hỗ trợ nguồn lực.

Nội dung GDĐP được triển khai toàn diện, hiệu quả ở các mảng lịch sử – truyền thống, văn hóa, môi trường; trong khi địa lý và kinh tế – hướng nghiệp vẫn còn thiên về lý thuyết, chưa gắn với thực tế địa phương. Phương pháp dạy học đa dạng hơn (thảo luận, dự án, trải nghiệm, tích hợp), song chưa đồng đều giữa các trường; hình thức chính khóa và chuyên đề duy trì tốt, còn hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ và diễn đàn vẫn mang tính phong trào. Điều kiện thực hiện khá thuận lợi ở khâu chỉ đạo, văn bản hướng dẫn và phối hợp cơ bản, nhưng còn hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đặc biệt là kinh phí.

Xét theo các chức năng quản lý, lập kế hoạch GDĐP được thực hiện bài bản, tổ chức thực hiện đảm bảo tính linh hoạt, công tác chỉ đạo thống nhất, kiểm tra - đánh giá thường xuyên, khách quan. Tuy nhiên, kế hoạch còn chung chung, bồi dưỡng GV chưa thường xuyên, sinh hoạt chuyên đề đổi mới phương pháp còn hình thức, công cụ đánh giá chưa hoàn thiện và nguồn kinh phí chưa ổn định. Các yếu tố khách quan (văn bản chỉ đạo, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất, phối hợp xã hội) và chủ quan (năng lực CBQL, GV, tinh thần tự học, khả năng phối hợp nội bộ) đều tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý.

Từ thực trạng trên, nghiên cứu đề xuất năm biện pháp trọng tâm: (1) Lập kế hoạch GDĐP cụ thể, khả thi và phù hợp đặc thù địa phương; (2) Tổ chức thực hiện linh hoạt, phát huy tính trải nghiệm và sáng tạo; (3) Chỉ đạo thống nhất, đẩy mạnh sinh hoạt chuyên đề và tích hợp nội dung GDĐP trong môn học; (4) Đổi mới kiểm tra – đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; (5) Quản lý hiệu quả các điều kiện bảo đảm (học liệu, cơ sở vật chất, kinh phí, phối hợp cộng đồng). Việc triển khai đồng bộ các biện pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý GDĐP tại các trường THPT huyện Bù Đăng, hướng tới mục tiêu phát triển giáo dục toàn diện, gắn nhà trường với đời sống và văn hóa địa phương.

Tài liệu tham khảo

Andrian, D. (2019). Developing an instrument to evaluate the influential factors of the success of local curriculum. *REID (Research and Evaluation in Education)*, 5(1), 75-84. <https://doi.org/10.21831/reid.v5i1.23980>.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Công văn số 5982/BGDĐT-GDTrH: Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương từ năm học 2008–2009*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT: Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018*.
- Chen, D.-T., Wang, L.-Y., & Neo, W.-L. (2015). *School-based curriculum development towards a culture of learning: Nonlinearity in practice*. *British Journal of Educational Studies*, 63(2), 213–228. <https://doi.org/10.1080/00071005.2015.1034236>.
- Danh, T. (2023). Tổng quan nghiên cứu về giáo dục địa phương cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 12(3), 95–104. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.3.2023.1050>.
- Fu, S., Zhang, Y., & Liu, H. (2024). Evaluating the impact of place-based education: Insights from practice. *Journal of International Cooperation in Education*, 27(1), 45–62. <https://doi.org/10.1108/JICE-01-2024-0001>.
- Hadi, S., & Andrian, D. (2018). Detecting teacher difficulties in implementing the local curriculum developed by the local government. *The New Educational Review*, 53(3), 250–260. <https://doi.org/10.15804/tner.2018.53.3.21>.
- Heikkilä, M. (2021). Finnish teachers' participation in local curriculum development: A study of processes in five school contexts. *Policy Futures in Education*, 19(7), 752–769. <https://doi.org/10.1177/1478210320967816>.
- Hồ, V. T., Nguyễn, V. Đ., & Thiệu, V. N. (2023). *Quy trình tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực cho giáo viên để triển khai nội dung giáo dục địa phương ở trường phổ thông*. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 12(01S), 15–24. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.01S.2023.1002>.
- Nguyễn, M. N. (2023). Identifying and proposing measures to innovate teaching of local educational content in schools. *TNU Journal of Science and Technology*, 228(03), 45–54. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8624>.
- Nguyễn, N. H., & Hồ, V. T. (2024a). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(01S), 67–76. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1302>.
- Nguyễn, T. G. A., & Hồ, V. T. (2024b). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh tiểu học ở huyện Đạm Rông, tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(1S), 77–85. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1309>.
- Nguyễn, T. H. (2020). *Giáo dục định hướng năng lực trong trường trung học phổ thông*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, V. T., & Trần, M. L. (2021). Giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 17(3), 45–53.
- Phạm, H. Q. (2012). *Quản lý giáo dục: Lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước. (2022, 6/9). *Văn bản số 1371/SGDĐT-GDTrH về việc triển khai dạy thực nghiệm và góp ý tài liệu giáo dục địa phương lớp 10, 11*.

- Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước. (2023a). *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bình Phước lớp 10*. Bình Phước: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước. (2023b). *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bình Phước lớp 11*. Bình Phước: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Soucy, A. R., McKenzie, M., & Smith, T. (2024). *Impact of a place-based educational approach on student and community perceptions*. *The Social Science Journal*, 61(3), 245–260. <https://doi.org/10.1080/10899995.2024.2379194>.
- Yemini, M., Engel, L. C., & Ben-Simon, A. (2023). *Place-based education – A systematic review of literature*. *Educational Philosophy and Theory*, 55(12), 1412–1428. <https://doi.org/10.1080/00131911.2023.2177260>.
- Young, M. S. (2019). *Indonesia's Local Content Curriculum (LCC) initiative: Decentralization and perspectives from high school classrooms in Banten*. *Indonesian Research Journal in Education*, 3(1), 141–167. <https://doi.org/10.22437/irje.v3i1.6671>.